

Tạp chí Khoa học và Kinh tế Phát triển
Trường Đại học Nam Cần Thơ

Website: jsde.nctu.edu.vn



Lan tỏa công nghệ từ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và sự phát triển bền vững ở Việt Nam

Phạm Minh Thủy¹, Đặng Thanh Sang¹

¹Trường Đại học Tây Đô

*Người chịu trách nhiệm bài viết: Phạm Minh Thủy

Ngày nhận bài: 20/12/2023

Ngày phản biện: 10/1/2024

Ngày duyệt đăng: 5/2/2024

Title: Technology diffusion from foreign direct investment and sustainable development in Vietnam

Keywords: foreign direct investment, sustainable development, technological spillovers

Từ khóa: đầu tư trực tiếp nước ngoài, lan tỏa công nghệ, phát triển bền vững

ABSTRACT

The study analyzed the relationship between technological spillover from foreign direct investment and sustainable development in Vietnam. Research data was collected from the World Bank and Sustainable Development Report of the United Nations from 2011 to 2022 combined with descriptive statistics and scatter plots. Research results showed that there was a positive linear relationship between technological spillover of foreign direct investment and sustainable development in Vietnam. The study gave some implications to enhance technological spillover from foreign enterprises and sustainable development in Vietnam.

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục tiêu phân tích sự lan tỏa công nghệ từ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và sự phát triển bền vững ở Việt Nam. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ Ngân hàng thế giới và Báo cáo về Phát triển bền vững của Liên hợp quốc trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2022 kết hợp với phương pháp thống kê mô tả và đồ thị phân tán dữ liệu. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng có mối quan hệ tuyến tính thuận chiều giữa lan tỏa công nghệ từ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và sự phát triển bền vững ở Việt Nam. Từ kết quả đạt được, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý nhằm tăng cường sự lan tỏa công nghệ từ doanh nghiệp nước ngoài và góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững tại Việt Nam.

1. GIỚI THIỆU

Sự phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là

đề tài được nhiều nhà khoa học kinh tế, nhà khoa học công nghệ trên thế giới quan tâm. Sự phát triển về khoa học công nghệ không chỉ đến từ việc

nghiên cứu trong nước mà có thể thông qua học hỏi từ các nước khác. Vì vậy, đầu tư nước ngoài vừa là hoạt động cung cấp nguồn vốn vừa hỗ trợ hoạt động lan tỏa công nghệ từ nước này qua nước khác. Có thể thấy, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thúc đẩy sự giao lưu, học hỏi và phát triển công nghệ ở các nước nhận đầu tư. Có nhiều nghiên cứu đã chỉ ra mối quan hệ giữa sự phát triển bền vững và sự lan tỏa công nghệ từ hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài [2],[7]. Nhận định vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài góp phần tích cực vào sự tăng trưởng của nền kinh tế. Song song đó, Ridzuan, İsmail and Hamat (2017) [4], Nguyễn Hoàng Việt (2020) [3] cũng cho rằng vốn

của doanh nghiệp FDI có tác động tích cực đến sự phát triển bền vững của địa phương. Tuy nhiên, tác động lan tỏa công nghệ từ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến sự phát triển bền vững ở Việt Nam theo đánh giá của các tổ chức thế giới chưa được xem xét và phân tích sâu sắc. Do đó, nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá và phân tích mối quan hệ giữa FDI nói chung và hoạt động lan tỏa công nghệ từ FDI nói riêng và sự phát triển bền vững của Việt Nam (Bảng 1), từ đó, đề xuất một số hàm ý nghiên cứu góp phần tăng cường lan tỏa công nghệ và thúc đẩy phát triển bền vững ở Việt Nam.

Bảng 1. Ảnh hưởng của FDI

TT	Tác giả, năm	Quốc gia	Các chỉ số chính	Phương pháp	Kết luận
1	Ridzuan, İsmail and Hamat (2017)	Singapore	FDI, chỉ số mục tiêu phát triển bền vững, Chất lượng Môi trường, Độ mở Thương mại và Phát triển Tài chính	ARDL	FDI có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế và chất lượng môi trường.
2	Aust et al. (2020)	44 Quốc gia Châu Phi	FDI, Thị trường, Sản xuất, Xuất khẩu, Tự do hóa thương mại và Tỷ giá hối đoái thực, chỉ số mục tiêu phát triển bền vững	Phân tích hồi quy	FDI có tác động tích cực đến các lĩnh vực như cơ sở hạ tầng cơ bản, nước sạch, vệ sinh môi trường và năng lượng tái tạo năng lượng.
3	Šimelytė and Antanavičienė (2013)	Ireland	FDI, Năng suất, Dân số, GDP, Thương mại, Lao động, Năng lượng, di cư, khí xanh, Điện	Phân tích hồi quy	Có mối quan hệ giữa các chỉ tiêu FDI và tăng trưởng bền vững trong các giai đoạn khác nhau của nền kinh tế.
4	Nguyễn Hoàng Việt và cộng sự (2020)	Việt Nam	FDI, hiệu quả FDI, lao động, phát triển bền vững địa phương	Thống kê mô tả, Phân tích hồi quy	Vốn của doanh nghiệp FDI và lao động việc làm trong lĩnh vực FDI có tác động tích cực đến sự phát triển bền vững của địa phương.

Sự lan tỏa công nghệ từ nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và phát triển bền vững được nghiên cứu thông qua nhiều chỉ số và phương pháp khác nhau. Về mặt chỉ số, sự lan tỏa công

nghệ từ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được đánh giá qua giá trị FDI, hiệu quả FDI, trình độ lao động trong lĩnh vực FDI. Sự phát triển bền vững được phân tích bằng chỉ số mục tiêu phát

triển bền vững hoặc GDP của quốc gia hoặc địa phương. *Về mặt phương pháp*, các nghiên cứu trước được thực hiện chủ yếu bằng phương pháp thống kê mô tả, phân tích hồi quy đa biến hoặc mô hình tự hồi quy phân phối trễ (ARDL - Autoregressive Distributed Lag) [1].

Tại sao sự lan tỏa công nghệ ở các doanh nghiệp FDI góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững tại Việt Nam? Các nước đang phát triển như Việt Nam thường nhận nguồn vốn FDI từ các nền kinh tế phát triển như Singapore (3,64 tỷ USD), Hàn Quốc (2,34 tỷ USD) - trong 7 tháng đầu năm 2023. Các quốc gia có vốn FDI đầu tư vào Việt Nam thường có trình độ khoa học công nghệ cao nên việc nhận đầu tư từ các nước phát triển góp phần lan tỏa công nghệ và tăng cường sự phát triển bền vững thông qua:

Thứ nhất, người lao động Việt Nam được tiếp cận, học hỏi các công nghệ và quy trình mới hoặc tiên tiến của khu vực và thế giới. Bên cạnh đó, người lao động còn được thực hiện các công việc liên quan đến các quy trình kỹ thuật này nên người lao động vừa nâng cao năng suất và góp phần tạo sản phẩm chất lượng cao [6], vừa nâng cao được trình độ và giá trị bản thân. Khi sản phẩm đạt được chất lượng, doanh nghiệp có thể bán trong nước và xuất khẩu ra thế giới góp phần đa dạng hóa thị trường, hạn chế rủi ro và hỗ trợ sự phát triển lâu dài cho doanh nghiệp [4].

Thứ hai, các doanh nghiệp FDI cần doanh nghiệp Việt Nam hỗ trợ về đầu vào và đầu ra trong quy trình sản xuất, kinh doanh với yêu cầu về chất lượng thường cao nên thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam cải tiến hoặc thay đổi mẫu mã, chất lượng sản phẩm, đổi mới công nghệ. Beata K. Smarzyńska (2002) cũng nhận định rằng hiệu ứng lan tỏa từ FDI diễn ra tích cực thông qua các liên kết ngược. Hơn nữa, một số doanh nghiệp

FDI cũng sẵn sàng hỗ trợ về kỹ thuật, phương pháp để doanh nghiệp Việt Nam có thể thay đổi, áp dụng công nghệ, kỹ thuật mới. Điều này giúp doanh nghiệp Việt có nhiều tiềm lực kinh doanh, phát triển ổn định làm tiền đề cho sự phát triển bền vững ở địa phương. Như vậy, có thể thấy, doanh nghiệp FDI là một trong những chủ thể quan trọng của nền kinh tế Việt Nam hiện nay. Doanh nghiệp FDI không chỉ giúp Việt Nam tăng cường hoạt động xuất nhập khẩu, gia tăng tổng sản phẩm của nền kinh tế góp phần duy trì và ổn định kinh doanh mà còn là một tác nhân thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo trong công nghệ ở những doanh nghiệp Việt Nam, giúp các doanh nghiệp Việt Nam chuyển đổi và thích ứng nhanh trong cuộc cạnh mạng công nghệ 4.0.

2. PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP

2.1 Thu thập số liệu

Nghiên cứu được thực nghiệm dựa vào hai giá trị chính là giá trị đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment – FDI) nhận từ nước khác và điểm mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals Score – SDG)

Giá trị FDI nhận từ nước ngoài được thu thập từ Ngân hàng thế giới trong giai đoạn 10 năm từ 2011 đến 2021. Giá trị FDI nhận đầu tư từ nước ngoài được nghiên cứu sử dụng vì đây là giá trị FDI mà các doanh nghiệp thuộc các nền kinh tế phát triển đầu tư vào Việt Nam và doanh nghiệp Việt có thể học hỏi, đổi mới và cải tiến công nghệ, nâng cao quy trình sản xuất kinh doanh.

Điểm mục tiêu phát triển bền vững (SDG) được thu thập từ Báo cáo của Liên Hợp quốc về Phát triển bền vững trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến 2021. Liên Hợp Quốc tại Việt Nam đang nỗ lực để đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững. Tổng cộng có 17 Mục tiêu phát triển bền vững giải quyết những thách thức lớn mà

người dân Việt Nam phải đối mặt. Các Mục tiêu Phát triển Bền vững nhằm xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường và khí hậu trái đất và đảm bảo mọi người ở khắp mọi nơi có thể tận hưởng hòa bình và thịnh vượng.

2.2 Phân tích số liệu

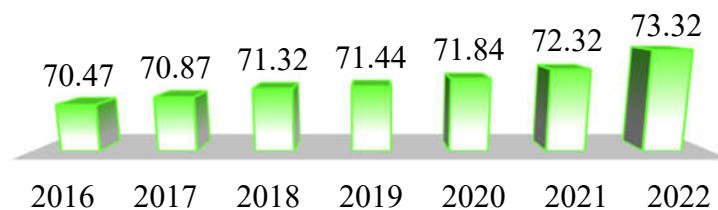
Nghiên cứu được thực hiện dựa trên phương pháp thống kê mô tả sử dụng các biểu đồ để phân tích thực trạng giá trị FDI nhận đầu tư từ nước ngoài và điểm mục tiêu phát triển bền vững tại Việt nam trong giai đoạn từ 2016 – 2021. Thêm vào đó, biểu đồ phân tán dữ liệu (Scatter diagram) cũng được sử dụng. Đây là một đồ thị biểu hiện mối tương quan giữa nguyên nhân và kết quả hoặc giữa các yếu tố. Hơn nữa, nghiên cứu cũng dự báo xu hướng mối quan hệ giữa giá trị FDI nhận đầu tư từ nước ngoài và điểm mục tiêu phát triển bền vững trong đồ thị phân tán dữ liệu.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Thực trạng điểm mục tiêu phát triển bền vững

Hình 1 cho thấy điểm mục tiêu phát triển bền vững tại Việt Nam đang tăng đều trong giai đoạn 2016 – 2021. Cụ thể, vào năm 2016, điểm mục tiêu phát triển bền vững tại Việt Nam đạt 70,47 điểm và đến năm 2022, điểm mục tiêu phát triển

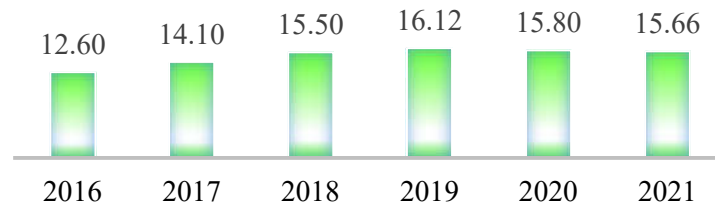
bền vững đã đạt 73,32 điểm, tăng 2,85 điểm. Trong năm 2022, Việt Nam xếp 55/166 quốc gia đạt được các mục tiêu về phát triển bền vững. Trong đó, các mục tiêu về công việc tốt và tăng trưởng kinh tế cũng như mục tiêu công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng của Việt Nam trong năm 2022 đã được cải thiện ở mức vừa phải. Trong tiêu chí công việc tốt và tăng trưởng kinh tế, vấn đề điều chỉnh tăng trưởng GDP được đánh giá khả quan. Ở mục tiêu công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng, Việt Nam được đánh giá là cao về vấn đề người dân được sử dụng Internet, số lượng đăng ký bằng thông rộng (Internet) tăng giúp người dân có thể trao đổi các kiến thức trong nước và quốc tế ở nhiều lĩnh vực khác nhau như kinh tế, khoa học, kỹ thuật,... Đồng thời, trong mục tiêu này, Liên Hợp quốc cũng đánh giá cao về cơ sở vật chất trong giảng dạy đại học tại Việt Nam. Việc xếp hạng đào tạo đại học tại Việt Nam tăng điểm là một trong những động lực quan trọng cho sự phát triển bền vững vì nhân lực là tiềm lực không thể thiếu trong giai đoạn đất nước hội nhập kinh tế quốc tế và đón nhận khoa học công nghệ mới trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0.



Hình 1. Điểm Mục tiêu phát triển bền vững tại Việt Nam

(Nguồn: Báo cáo của Liên Hợp quốc về Điểm mục tiêu phát triển bền vững)

3.2 Thực trạng Giá trị FDI nhận đầu tư từ nước ngoài



Hình 2. Giá trị FDI nhận đầu tư từ nước ngoài tại Việt Nam

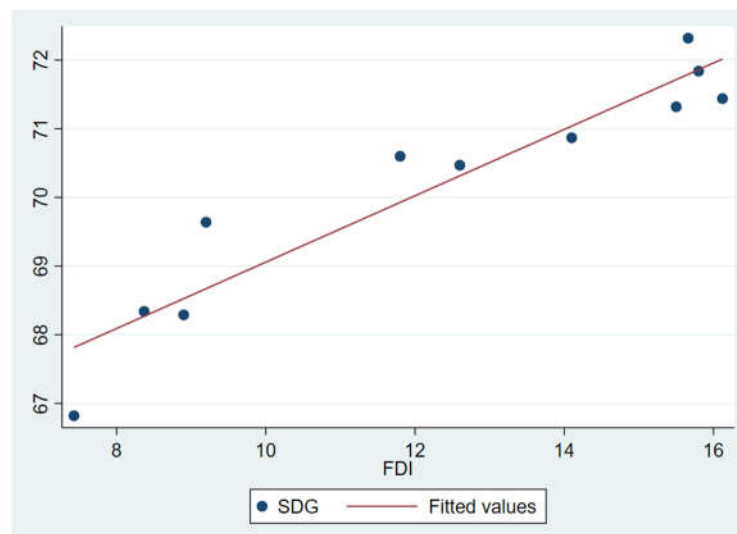
(Nguồn: Ngân hàng Thế giới)

Giá trị FDI nhận đầu tư từ nước ngoài tại Việt Nam có sự tăng giảm không đồng đều qua các năm trong khoảng thời gian từ 2016 - 2021. Giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2019, giá trị FDI nhận đầu tư từ nước khác vào Việt Nam tăng liên tục trong khi đó từ năm 2019 đến năm 2021 giá trị này tương đối giảm nhẹ. Cụ thể, vào năm 2016 giá trị FDI từ các nền kinh tế trên thế giới vào Việt Nam đạt 12,6 tỷ USD và đến năm 2019 giá trị này đạt đỉnh cao nhất với 16,12 tỷ USD, tăng khoảng 27,9%. Nguyên nhân là nền kinh tế thế giới và Việt Nam phát triển tương đối ổn định. Các nhà đầu tư tăng cường các hoạt động liên kết nước ngoài thông qua hình thức mua lại và sát nhập hoặc đầu tư mới dự án nhằm tìm kiếm các nguồn tài nguyên thiên nhiên, lao động giá rẻ tại Việt Nam. Tuy nhiên, từ năm 2019 đến năm 2021, giá trị FDI của Việt Nam nhận từ những quốc gia

khác giảm từ 16,12 tỷ USD xuống còn 15,66 tỷ USD, tương ứng với giảm 2,85%. Từ năm 2019 đến năm 2021, cả thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng chịu ảnh hưởng nặng nề bởi Đại dịch Covid - 19 và các hoạt động giãn cách xã hội khiến cho nền kinh tế và hoạt động đầu tư quốc tế bị ngưng trệ.

3.3 Mối quan hệ giữa giá trị FDI nhận đầu tư từ nước ngoài và điểm mục tiêu phát triển bền vững

Với dữ liệu từ 2011 đến 2021 ở hai giá trị FDI nhận đầu tư từ nước ngoài và điểm mục tiêu phát triển bền vững đã cho thấy hai giá trị này có xu hướng tăng trong 10 năm qua. Giá trị FDI nhận đầu tư từ những quốc gia có nền kinh tế phát triển dao động từ khoảng 8 – 16 tỷ USD trong khi điểm mục tiêu phát triển bền vững cũng ở mức xấp xỉ 67 – 72 trên 100 điểm.



Hình 3. Mối quan hệ giữa FDI và SDG

(Nguồn: Tác giả phân tích)

Biểu đồ phân tán dữ liệu với kết quả ước lượng xu hướng cho thấy giá trị FDI nhận đầu tư từ nước ngoài và điểm mục tiêu phát triển bền vững đang có mối quan hệ tuyến tính thuận chiều. Nghĩa là giá trị FDI mà Việt Nam nhận được từ các nền kinh tế phát triển thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước thông qua nhiều yếu tố trong đó có sự lan tỏa công nghệ từ các nước tiên bộ vào Việt Nam. Kết quả phân tích này giống với nghiên cứu của Ridzuan, İsmail and Hamat (2017) [4] tại Singapore và nghiên cứu của Šimelytė and Antanavičienė (2013) [5] tại Ireland. Như vậy, có thể thấy, nguồn vốn FDI với quá trình lan tỏa công nghệ trong giai đoạn công nghệ cao phát triển đã góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế không chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều quốc gia thuộc các châu lục khác nhau. Điều này cũng hỗ trợ sự phát triển bền vững ở các nước nói riêng và cả khu vực hoặc châu lục nói chung.

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Phát triển đất nước bền vững luôn là điều mà nhiều quốc gia khao khát. Với dữ liệu thu thập từ Ngân hàng thế giới và Báo cáo Phát triển bền vững của Liên hợp quốc kết hợp với thống kê mô tả và đồ thị phân tán dữ liệu, nghiên cứu đã phân tích từ lý luận đến thực tiễn tại Việt Nam tác động lan tỏa công nghệ thông qua nguồn vốn FDI và điểm phát triển bền vững. Kết quả cho thấy giá trị FDI nhận đầu tư từ nước ngoài tại Việt Nam tăng giảm không đồng đều trong khi điểm mục tiêu phát triển bền vững tại Việt Nam lại tăng đều qua các năm. Hơn nữa, phân tích cũng nhận định rằng giá trị FDI nhận đầu tư từ nước ngoài và điểm mục tiêu phát triển bền vững đang có mối quan hệ tuyến tính thuận chiều tại Việt Nam. Từ kết quả phân tích, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý nhằm tăng cường lan tỏa công nghệ thông qua nguồn vốn FDI và thúc đẩy sự phát triển bền vững

tại Việt Nam như sau: (1) để thu hút được nguồn vốn FDI từ các quốc gia phát triển như Mỹ, Hàn Quốc, Singapore,... Việt Nam nên có những chính sách hỗ trợ về thủ tục hành chính, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, thời gian đàm phán và ký thỏa thuận; (2) nhằm góp phần tiếp nhận các kiến thức về khoa học công nghệ mới, Việt Nam nên có các chiến lược lựa chọn nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài có trình độ khoa học công nghệ cao và thuận lợi chuyển giao khoa học công nghệ vào Việt Nam; (3) các doanh nghiệp Việt Nam nên tăng cường liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài, không ngừng nâng cao khả năng quản lý doanh nghiệp và trình độ của người lao động để kịp thời nắm bắt và nhận chuyển giao các kỹ thuật công nghệ mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Aust, V., Morais, A. I., & Pinto, I. (2020). How does foreign direct investment contribute to sustainable development goals? Evidence from African Countries. *Journal of Cleaner Production*, 245, 1-10., 2018.
- [2] Cao Thị Ánh Tuyết (2018). Tác động của FDI và độ mở thương mại đến tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia đang phát triển (1995 – 2017). (Luận văn Thạc sĩ). Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.
- [3] Nguyễn Hoàng Việt (2020). Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài và phát triển bền vững của các địa phương ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Thương mại, Mục Kinh tế và Quản lý*, số 139/2020.
- [4] Ridzuan, A. R., Ismail, N. A., & Hamat, A. F. C. (2017). Does foreign direct investment successfully lead to sustainable development in Singapore? *The Economies Journal*, 5(29), 2-20.

- [5] Šimelytė, A. and Antanavičienė, J. G. (2013). Foreign direct investment policy as an instrument for sustainable economic growth: A case of Ireland. *Journal of Security and Sustainability Issues*, 2(4), 25-34.
- [6] Trần Thiên Kỳ, Nguyễn Quốc Tùng và Nguyễn Minh Hải (2022). Lan tỏa năng suất từ hoạt động nghiên cứu & phát triển, xuất khẩu và đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực chế biến chế tạo: Trường hợp Việt Nam. *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, số 247, tháng 12. 2022
- [7] Zamani, Z. and Tayebi, S. K. (2021). The causal links between FDI and economic development: Evidence from Greece. *European Journal of Social Sciences*, 27(1), 12-20.